

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2022/DS-ST**
Ngày 16 - 06 - 2022
V/v: “T/c hợp đồng vay và hợp đồng
mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;
2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2021/TLST – DS, ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 04 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 248/2022/QĐST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 314/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1958; bà Thái Thị Kim N, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Tổ Y, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông C, ông L có mặt; bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn ông Lê Văn L cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Theo ông Nguyễn Văn C, ngày 11/6/2020 vợ chồng ông Lê Văn L, bà Thái Thị Kim N vay của ông Nguyễn Văn C 214.430.137 đồng để trả nợ vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh An phú - Phòng giao dịch thị trấn Long Bình. Sau đó, ông L, bà N giao 2.000 m² đất cho ông C để trừ 130.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ thì ông L, bà N còn nợ lại ông C 84.430.137 đồng. Số tiền này thỏa thuận tính lãi 12 tháng (tính từ ngày 11/6/2020 đến 11/6/2021) với mức 0,83%/tháng. Từ sau ngày 11/6/2021 đến nay không tính lãi. Tổng nợ vay và lãi suất ông L, bà N nợ ông C 92.230.137 đồng (tính tròn số 92.230.000 đồng).

Ngoài ra, từ năm 2016 -2019 ông L, bà N có mua phân bón sản xuất nông nghiệp và nợ ông C 155.000.000 đồng. Số nợ này ông C không yêu cầu tính lãi.

Ngày 20/6/2020 vợ chồng ông L, bà N thừa nhận số nợ trên và cam kết trả dần mỗi năm 40.000.000 đồng. Do ông L, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, nên ông Nguyễn Văn C kiện yêu cầu ông L, bà N trả toàn bộ nợ vay, lãi phát sinh và tiền mua vật tư phân bón là 247.230.000 đồng.

Theo ông Lê Văn L, năm 2020 ông Nguyễn Văn C có trả nợ thay cho vợ chồng ông (ông L, bà N) 214.430.137 đồng tại N hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh An Phú – Phòng giao dịch thị trấn Long Bình. Sau đó ông L, bà N giao cho ông C 2 công đất ruộng trị giá 130.000.000 đồng để khấu trừ nợ. Ông L thừa nhận còn nợ lại ông C 84.430.000 đồng, chấp nhận chịu lãi 12 tháng là 7.800.000 đồng theo yêu cầu của ông C. Ngoài ra, ông L cũng thừa nhận nợ ông C tiền mua phân bón 155.000.000 đồng. Tuy nhiên ông L xác định có trả cho ông C 10.000.000 đồng. Do hoàn C khó khăn, nên ông L xin trả dần số tiền còn nợ.

Bà Thái Thị Kim N vắng mặt tại các phiên hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến, nên không ghi nhận được ý kiến của bà N.

Về chứng cứ: Ông C cung cấp Giấy cam kết trả nợ ngày 20/6/2020 có chữ ký của ông Lê Văn L và bà Thái Thị Kim N.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Văn C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông thừa nhận ông L, bà N có trả cho ông 10.000.000 đồng tiền mua phân bón. Ông C yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn L và bà Thái Thị Kim N trả nợ vay, lãi suất và tiền mua phân bón còn nợ 237. 230.000 đồng.

Ông Lê Văn L thừa nhận có việc ông C cho vay tiền trả nợ N hàng, có việc giao 2 công đất trừ 130.000.000 đồng. Còn số tiền mua phân bón ông có trả được 10.000.000 đồng. Tuy nhiên ông cũng đồng ý số nợ còn lại theo kê tính của ông C, nhưng do hoàn C khó khăn nên ông xin trả dần.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Thái Thị Kim N là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định ông Lê Văn L và bà Thái Thị Kim N còn nợ ông Nguyễn Văn C tổng số tiền vay, lãi suất và nợ tiền mua phân bón là 237.230.000 đồng. Số nợ này cũng đã được ông L xác nhận tại phiên tòa. Do đó đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, buộc ông L, bà N có trách nhiệm thanh toán cho ông C 237.230.000 đồng. Đình chỉ phần ông C rút lại yêu cầu 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn C kiện yêu cầu ông Lê Văn L và bà Thái Thị Kim N trả nợ vay và nợ mua phân bón với tổng số tiền 247.230.000 đồng. Xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay và tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”; đều là tranh chấp dân sự. Bị đơn ông Lê Văn L và bà Thái Thị Kim N có địa chỉ cư trú ấp Phú Thạnh, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Thái Thị Kim N vắng mặt không lý do. Như vậy bà N đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xử vắng mặt bà N là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[1.4] Về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, ông C kiện yêu cầu ông L, bà N trả tiền vay, lãi suất và tiền mua phân bón 247.230.000 đồng. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông C thừa nhận ông L, bà N có trả 10.000.000 đồng và rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông L, bà N trả số 237.230.000 đồng. Yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn, phù hợp quy định tại Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Như vậy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (phần 10.000.000 đồng) là phù hợp hướng dẫn tại Mục IV, Điều 7 Công văn 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao. Phạm vi giải quyết còn lại là nợ vay, lãi suất và nợ mua phân bón 237.230.000 đồng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay: Theo trình bày của ông C được ông L thừa nhận, năm 2020 ông C, ông L, bà N có trao đổi bằng lời nói. Theo đó, ông C trả nợ thay cho

ông L, bà N 214.430.137 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh An phú - Phòng giao dịch thị trấn Long Bình. Sau đó ông L, bà N giao cho ông C (chuyển nhượng) 02 công đất trị giá 130.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông L, bà N còn nợ ông C là 84.430.137 đồng (ông C tính tròn số 84.430.000 đồng). Việc này đã được ông L và ông C thống nhất. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, tình tiết này không cần phải chứng minh.

[2.2] Về hợp đồng mua bán: Theo trình bày của ông C, từ năm 2016 đến 2019 ông C có bán cho ông L, bà N số phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp với tổng trị giá 155.000.000 đồng. Việc mua bán chỉ trao đổi bằng lời nói, không lập thành văn bản, các bên không tranh chấp giá, chất lượng hàng hóa mà chỉ tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông L xác định có trả cho ông C 10.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 145.000.000 đồng. Việc này được ông C, ông L thừa nhận, nên tình tiết này không cần phải chứng minh. Xác định ông L, bà N còn nợ ông C tiền mua phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp là 145.000.000 đồng.

[2.3] Về lãi suất chậm trả: Đối với số nợ vay còn lại 84.430.000 đồng, ông C yêu cầu ông L, bà N trả lãi từ ngày 11/6/2020 đến 11/6/2021 (12 tháng) với mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy mức lãi ông C yêu cầu không trái pháp luật và ông L, bà N cũng thống nhất tại Giấy cam kết trả nợ ngày 20/6/2020. Như vậy tiền lãi được tính $84.430.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng} = 8.409.228 \text{ đồng}$. Tuy nhiên theo đơn kiện và tại phiên tòa, ông C chỉ yêu cầu ông L, bà N trả tiền lãi 7.800.000 đồng là có lợi cho bị đơn, nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định: Ông L, bà N còn nợ ông C tiền vay và lãi suất 92.230.000 đồng, tiền mua phân bón 145.000.000 đồng. Do ông L, bà N là vợ chồng nên có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông C toàn bộ khoản nợ vay, lãi suất chậm trả và khoản nợ mua phân bón là 237.230.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông L, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch. Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án không phát sinh chi phí tố tụng khác, nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 430, 440, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 217, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C,

1. Buộc ông Lê Văn L và bà Thái Thị Kim N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C 237.230.000 (*Hai trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn*) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và ông C có đơn yêu cầu thi hành án, ông L, bà N không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông C (phần 10.000.000 đồng mua phân bón).

3. Về án phí: Ông Lê Văn L và bà Thái Thị Kim N cùng phải chịu 11.861.500 (*Mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không phải hoàn lại.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt ông Nguyễn Văn C, ông Lê văn L. Thời hạn kháng cáo của ông C, ông L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2022). Thời hạn kháng cáo của bà Thái Thị Kim N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

